TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 01 - 2026
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy

- Thư ký phiên toà*:* Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn D, xã Q, tỉnh H.

Căn cước công dân: 034186018345

- Bị đơn: Anh **Đoàn Văn T1**, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn M, xã T2, tỉnh H.

Căn cước công dân: 034081016253

(Chị T, anh T1 đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng tài liệu đã xuất trình, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đoàn Văn T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuỵ Hà, huyện T2, tỉnh Thái Bình (nay là xã T2, tỉnh Hưng Yên) ngày 24/12/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn trở

nên trầm trọng khi anh T1 thường xuyên vay nợ khiến cuộc sống gia đình bất ổn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay, không còn quan tâm nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

- Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là Đoàn Việt T3, sinh ngày 23/5/2014 và Đoàn Việt Q1, sinh ngày 27/5/2021. Ly hôn, chị đề nghị Toà án giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi cả hai con chung 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa sơ thẩm.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Đoàn Văn T1 nhiều lần, tuy nhiên anh T1 không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày quan điểm về việc ly hôn, Tòa án không tống đạt trực tiếp được và đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* *Tại biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T2, tỉnh Hưng Yên thể hiện:* Chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuỵ Hà, huyện T2, tỉnh Thái Bình (nay là xã T2, tỉnh Hưng Yên) ngày 24/12/2012. Hiện nay, anh T1 vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã T2, tỉnh Hưng Yên, dù làm việc ở xa nhưng vẫn về địa phương. Bố đẻ anh T1 là ông Đoàn Văn Minh (đã chết) và mẹ đẻ là bà Vũ Thị Định, sinh năm 1953, hiện đang đi làm xa, thỉnh thoảng mới về địa phương. Sau khi kết hôn, chị T và anh T1 chung sống tại nhà anh T1, địa phương không nắm được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Về con chung, chị T và anh T1 có 02 con chung là Đoàn Việt T3, sinh ngày 23/5/2014 và Đoàn Việt Q1, sinh ngày 27/5/2021, hiện đang sống cùng chị T, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên địa phương không có ý kiến.

* *Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Đoàn Việt T3 thể hiện* cháu Thắng có nguyện vọng được sống cùng chị T.

Do vụ án không tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử theo quy định.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Đoàn Văn T1. Về con chung, căn cứ Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cả hai con chung là Đoàn Việt T3 và Đoàn Việt Q1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T 5.000.000 đồng/tháng/02 cháu kể từ tháng 01/2026 đến khi cả hai con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra vấn đề giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn, anh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T xin xét xử vắng mặt, anh T1 đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh T1 kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, có nhiều bất đồng quan điểm sống về kinh tế, mặt khác vợ chồng lại sống cách xa nhau, mỗi người một nơi nên không có tiếng nói chung và không còn tình cảm. Vì vậy mục đích hôn nhân của chị T và anh T1 không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Xét hôn nhân của anh, chị chỉ còn là hình thức vì trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Chị T xin ly hôn anh T1 là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là Đoàn Việt T3, sinh ngày 23/5/2014 và Đoàn Việt Q1, sinh ngày 27/5/2021, hiện đều đang sống cùng chị T tại thôn D, xã Q, tỉnh Hưng Yên. Ly hôn, chị T đề nghị Toà án giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng/02 con, anh T1 hiện đang đi làm xa nhà và không thể hiện quan điểm về việc nuôi con. Xét điều kiện, hoàn cảnh của các đương

sự cũng như nguyện vọng của con chung, để bảo đảm sự phát triển mọi mặt và môi trường sống ổn định của con chung, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Thắng và cháu Quân cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và anh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng/02 con kể từ tháng 01/2026 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Anh T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi đương sự có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Đoàn Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung Đoàn Việt T3, sinh ngày 23/5/2014 và Đoàn Việt Q1, sinh ngày 27/5/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T 5.000.000 đồng/tháng/02 con kể từ tháng 01/2026 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Anh T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0001638 ngày 02/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh T1 vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV7 – Hưng Yên;
- TAND – VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS KV7 – Hưng Yên;
- UBND xã T2;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thùy Dung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thùy Dung